

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4607~~/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày ~~11~~ tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành “Kế hoạch giám sát trọng điểm lồng ghép
bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya
tại Việt Nam giai đoạn 2017-2020”**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya tại Việt Nam giai đoạn 2017-2020”.

Điều 2. Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur là đầu mối phối hợp với Sở Y tế các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai các điểm giám sát trên địa bàn phụ trách, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương là đầu mối tổng hợp báo cáo số liệu về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế; Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur; Giám đốc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Bệnh viện đa khoa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng (để phối hợp);
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Long

BỘ Y TẾ

KẾ HOẠCH

**GIÁM SÁT TRỌNG ĐIỂM LÒNG GHÉP BỆNH SÓT XUẤT HUYẾT
DENGUE, BỆNH DO VI RÚT ZIKA VÀ CHIKUNGUNYA
TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2017-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~4607~~ /QĐ-BYT ngày 11 tháng 10 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	3
PHẦN II. MỤC TIÊU	5
1. Mục tiêu chung.....	5
1. Điểm giám sát.....	5
PHẦN III. NỘI DUNG GIÁM SÁT.....	5
1. Điểm giám sát.....	5
2. Đối tượng giám sát	6
3. Chọn mẫu.....	6
4. Thu thập thông tin dịch tễ.....	6
5. Các chỉ số giám sát.....	6
6. Lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm	8
7. Tổ chức xét nghiệm bệnh phẩm và phản hồi, báo cáo kết quả xét nghiệm	8
8. Quản lý dữ liệu và quy định về báo cáo	8
PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	9
PHẦN V. KINH PHÍ GIÁM SÁT TRỌNG ĐIỂM	11
PHỤ LỤC 1: Kế hoạch kinh phí giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya tại Việt Nam giai đoạn 2017-2020	12
PHỤ LỤC 2: Mẫu phiếu giám sát bệnh nhân, Mẫu phiếu giám sát véc tơ.....	17

DANH MỤC VIẾT TẮT

BVĐK	Bệnh viện đa khoa
GSTĐ	Giám sát trọng điểm
SXHD	Bệnh sốt xuất huyết Dengue
TTYT	Trung tâm Y tế
VSDT	Vệ sinh dịch tễ
WHO	Tổ chức Y tế thế giới (World Health Organization)

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya là các bệnh truyền nhiễm cấp tính do Arbo vi rút gây ra, bệnh có biểu hiện triệu chứng lâm sàng tương tự nhau và chủ yếu lây truyền qua muỗi Aedes.

Bệnh sốt xuất huyết Dengue (SXHD) lưu hành ở khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới. Ở châu Á, bệnh lưu hành ở hầu hết quốc gia trong khu vực. Tại Việt Nam, vụ dịch SXHD đầu tiên xảy ra vào năm 1958, từ đó bệnh trở thành dịch lưu hành địa phương, chủ yếu ở các tỉnh miền Nam và Nam Trung bộ. Ngày nay, SXHD đang là một trong mười bệnh truyền nhiễm có tỉ lệ mắc và tử vong cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Khoảng 70 triệu người nước ta nằm trong vùng có dịch SXHD lưu hành và có nguy cơ mắc dịch bệnh này.

Theo thông báo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ngày 10/3/2017, tổng số 148 quốc gia và vùng lãnh thổ có sự lưu hành hoặc lây truyền vi rút Zika. Có 31 quốc gia và vùng lãnh thổ báo cáo ghi nhận trẻ mắc chứng đầu nhỏ có liên quan đến vi rút Zika. Tại Việt Nam, từ tháng 3 năm 2016 đến ngày 01/10/2017, cả nước ghi nhận 251 trường hợp dương tính với vi rút Zika tại 17 tỉnh, thành phố. Trong đó có 01 trường hợp trẻ 4 tháng tuổi mắc chứng đầu nhỏ nghi liên quan đến vi rút Zika tại tỉnh Đắk Lắk.

Ô dịch Chikungunya đầu tiên đã được ghi nhận tại cao nguyên Makonde, dọc theo biên giới giữa Tanzania (trước đây là Tanganyika) và Mozambique, trong 1952-1953. Sau vụ dịch năm 1952 - 1953, vi rút đã phổ biến rộng rãi trên khắp châu Phi cận Sahara, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á, là nguyên nhân gây dịch trong những năm tiếp theo. Vi rút đã trở thành lưu hành phổ biến ở châu Phi, bằng chứng là dịch xảy ra thường xuyên ở Uganda, Cộng hòa Dân chủ Congo, Zimbabwe, Senegal, Nigeria, Nam Phi và Kenya. Trong một nghiên cứu gần đây tại Guatemala năm 2015 trên các mẫu huyết thanh dương tính với Chikungunya hoặc Dengue gửi đến phòng thí nghiệm quốc gia, kết quả xét nghiệm RT-PCR đã phát hiện sự đồng nhiễm với cả 2 loại vi rút Chikungunya và Dengue tại 44/144 mẫu huyết thanh (32%). Các nhà nghiên cứu kết luận rằng trong nghiên cứu này, đồng nhiễm là khá phổ biến và đây là những bệnh có biểu hiện lâm sàng tương tự, cần kiểm tra sàng lọc đồng thời để chăm sóc bệnh nhân và giám sát tốt hơn. Tại Việt Nam, một số nghiên cứu gần đây cũng đã xác định được tỷ lệ nhất định bệnh nhân nhiễm vi rút Chikungunya.

Hoạt động của hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm gây dịch của Việt Nam thực hiện theo Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 về việc Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm thay thế Thông tư số 48/2010/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Đây là một hệ thống giám sát hoạt động thường xuyên và thống nhất trên toàn quốc từ tuyến xã, phường lên đến tuyến Trung ương cả ở hệ dự phòng và các cơ sở điều trị. Tuy nhiên, để làm rõ đặc điểm dịch tễ học, tác nhân gây bệnh, véc tơ truyền bệnh và các yếu tố nguy cơ, Bộ Y tế đã triển khai Hệ thống giám sát trọng điểm cho một số bệnh ưu tiên như: ILI, SARI, tay chân

miệng, sốt xuất huyết, bệnh do vi rút Zika, viêm não Nhật Bản, dịch hạch... Trong đó một số bệnh đã được đầu tư kinh phí giám sát từ Chương trình mục tiêu quốc gia hoặc kinh phí của Bộ Y tế hoặc từ các dự án được tài trợ.

Để đánh giá sự lưu hành của vi rút Dengue, Zika và Chikungunya, cũng như xác định tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ tử vong của SXHD, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 3091/ QĐ-BYT ngày 03/7/2017 về việc ban hành “Hướng dẫn giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya”. Hướng dẫn giám sát trọng điểm lồng ghép 3 bệnh này cũng là một phần của mạng lưới giám sát trọng điểm của Bộ Y tế với sự hỗ trợ từ các đối tác trong việc giám sát các bệnh truyền nhiễm ưu tiên tại Việt Nam.

Nhằm mục đích đảm bảo duy trì việc triển khai GSTĐ bền vững, làm căn cứ huy động nguồn lực, Bộ Y tế xây dựng Kế hoạch giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya giai đoạn 2017-2020 với mục tiêu thu thập số liệu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ hơn các thông tin cơ bản về dịch tễ học, các yếu tố nguy cơ và các đặc điểm về tác nhân gây bệnh để làm cơ sở dự báo, lập kế hoạch phòng chống dịch bệnh trong các năm tiếp theo.

PHẦN II MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Lồng ghép giám sát, thu thập thông tin về dịch tễ và vi rút của SXHD, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya ở các khu vực trọng điểm trên cả nước, làm cơ sở cho việc đánh giá nguy cơ, qua đó lập kế hoạch giám sát, phòng chống hiệu quả các bệnh dịch trên.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thu thập, phân tích dữ liệu dịch tễ học của SXHD, bệnh do vi rút Zika, và Chikungunya tại một số bệnh viện trọng điểm.

b) Xác định sự lưu hành của vi rút Dengue, Zika và Chikungunya ở người tại các điểm giám sát.

c) Xác định sự phân bố của vi rút Dengue, Zika và Chikungunya trên quần thể muỗi Aedes tại các điểm giám sát.

PHẦN III. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Điểm giám sát

1.1. Giám sát bệnh nhân

Các Viện VSDT, Pasteur khu vực thực hiện lựa chọn điểm giám sát theo các nội dung sau:

- a) Lựa chọn các tỉnh, thành phố có ít nhất một trong các tiêu chí:
 - Có tỷ lệ mắc SXHD/100.000 dân cao trong khu vực.
 - Có trường hợp bệnh nhân nhiễm vi rút Zika hoặc trẻ mắc chứng đầu nhỏ nghi liên quan đến vi rút Zika hoặc có kết quả xét nghiệm muỗi dương tính với vi rút Zika.
 - Có chỉ số véc tơ cao (khu vực miền Bắc: BI >20, DI >0,5 con/ nhà; các khu vực khác: BI >30, DI >0,5 con/ nhà) và có nguy cơ bùng phát dịch SXHD/ bệnh do vi rút Zika/ Chikungunya.
- b) Lựa chọn bệnh viện có ít nhất một trong các tiêu chí sau:
 - Bệnh viện đa khoa tuyến trung ương, tỉnh, quận/ huyện tại tỉnh, thành phố đã được lựa chọn có đủ điều kiện, trang thiết bị, đội ngũ cán bộ có đủ khả năng thực hiện các hoạt động chuyên môn giám sát, lấy mẫu.
 - Đã hoặc đang thực hiện giám sát trọng điểm SXHD.
 - Phối hợp chặt chẽ và cam kết duy trì hoạt động giám sát lâu dài.

Số lượng các điểm giám sát dựa trên khả năng và nguồn lực sẵn có (tối thiểu 10 điểm giám sát: khu vực miền Bắc tối thiểu 3 điểm; khu vực miền Trung tối thiểu 2 điểm; khu vực miền Nam tối thiểu 4 điểm; khu vực Tây Nguyên tối thiểu 1 điểm).

c) Các điểm giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya giai đoạn 2017-2020

Khu vực	Vùng	Tên điểm giám sát	2017	2018	2019	2020
Miền Bắc	Đông Bắc	BVĐK tỉnh Quảng Ninh	x	x	x	x
		BVĐK tỉnh Bắc Giang	x	x	x	x
	Đồng bằng sông Hồng	BVĐK tỉnh Nam Định	x	x	x	x
Miền Trung	Duyên hải Nam Trung bộ	TTYT huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa	x	x	x	x
		TTYT quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	x	x	x	x
Tây Nguyên	Tây Nguyên	BVĐK tỉnh Kon Tum	x	x	x	x
Miền Nam	Đông Nam bộ	BVĐK khu vực Long Thành, Đồng Nai	x	x	x	x
		Bệnh viện Bệnh nhiệt đới TP. HCM	x	x	x	x
		Bệnh viện Hùng Vương	x	x	x	x
	Tây Nam bộ	BVĐK huyện Thới Lai, Cần Thơ	x	x	x	x

1.2. Giám sát véc tơ

Giám sát muỗi, lăng quăng tại nơi xảy ra ổ dịch SXHD/Zika/Chikungunya theo các qui định hiện hành.

2. Đối tượng giám sát

Là các trường hợp trên 5 tuổi đến khám ngoại trú có các triệu chứng khởi phát trong vòng 5 ngày và thỏa mãn 1 trong 2 định nghĩa trường hợp bệnh sau:

a) Trường hợp có phát ban và kèm theo có ít nhất 2 trong số các triệu chứng sau:

- Sốt, thường dưới 38,5⁰C.
- Đau cơ.
- Đau khớp, phù quanh khớp.
- Viêm kết mạc mắt xung huyết, không mủ.

b) Trường hợp có sốt cao đột ngột và có ít nhất 2 trong các dấu hiệu sau:

- Biểu hiện xuất huyết.
- Nhức đầu, chán ăn, buồn nôn, nôn.
- Da xung huyết, phát ban.

- Đau cơ, đau khớp, nhức hai hố mắt.
- Vật vã, li bì.
- Đau bụng vùng gan hoặc ấn đau vùng gan.

3. Chọn mẫu

- Lựa chọn các trường hợp thỏa mãn tiêu chí lựa chọn bệnh nhân (chọn ít nhất 02 bệnh nhân/ ngày/ điểm giám sát).

- Lựa chọn bệnh nhân được tiến hành 5 ngày/tuần (thứ Hai đến thứ Sáu). Nếu trong ngày không có đủ số lượng bệnh nhân thỏa mãn tiêu chí để lấy mẫu, có thể lấy bù trong các ngày tiếp theo cho đến thứ Sáu của tuần đó, nếu đến thứ Sáu không đủ thì dừng lại (không lấy bù vào thứ Bảy, Chủ nhật và các tuần sau).

- Số mẫu cần thu thập/điểm giám sát ít nhất:

$$10 \text{ mẫu/điểm giám sát/tuần} \times 52 \text{ tuần/năm} = 520 \text{ mẫu/điểm giám sát/năm.}$$

4. Thu thập thông tin dịch tễ

- Các điểm giám sát sử dụng các phiếu, biểu mẫu theo quy định tại Quyết định số 3091/QĐ-BYT ngày 03/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tin trong phiếu điều tra trường hợp bệnh thu thập qua phỏng vấn bệnh nhân hoặc người nhà, người chăm sóc bệnh nhân phải được điền đầy đủ, chính xác. Cán bộ điều phối tại bệnh viện cần kiểm tra phiếu trước khi gửi về các Viện VSDT, Pasteur khu vực theo quy định.

5. Các chỉ số giám sát

5.1. Chỉ số giám sát bệnh nhân

Thu thập và phân tích các chỉ số sau:

- Tỷ lệ, phân bố số mắc và tử vong SXHD, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya theo thời gian, địa điểm, con người.

- Tỷ lệ dương tính từng loại vi rút Dengue, Zika và Chikungunya trên tổng số mẫu huyết thanh thu thập.

- Tỷ lệ phần trăm của các tuýp vi rút Dengue lưu hành trong tổng số những mẫu được xét nghiệm theo thời gian, địa điểm.

- Xác định chủng vi rút Zika tại các điểm giám sát theo thời gian, địa điểm.

5.2. Chỉ số giám sát véc tơ

Thu thập và phân tích chỉ số sau:

- Tỷ lệ dương tính với vi rút Dengue, Zika và Chikungunya trên tổng số mẫu muỗi Aedes aegypti và Aedes albopictus theo thời gian và địa điểm.

- Các chỉ số của véc tơ tại ổ dịch: chỉ số Breteau (BI), mật độ muỗi (DI), nhà có muỗi (HI), chỉ số vật chứa có lăng quăng (CI), chỉ số nhà có lăng quăng (HI).

6. Lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm

Lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm được thực hiện theo đúng Hướng dẫn lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm quy định tại Phụ lục 2 trong Quyết định số 3091/QĐ-BYT ngày 03/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya.

7. Tổ chức xét nghiệm bệnh phẩm và phản hồi, báo cáo kết quả xét nghiệm

Trường hợp bệnh nhân thỏa mãn tiêu chí sàng lọc sẽ được lấy mẫu huyết thanh để chuyển về Viện VSDT, Viện Pasteur làm xét nghiệm phát hiện cùng lúc 3 tác nhân gây bệnh trên cùng một mẫu bệnh phẩm bằng kỹ thuật Trioplex rRT-PCR.

Khi bệnh phẩm, phiếu điều tra trường hợp bệnh (Mẫu 1, Phụ lục 2) và phiếu yêu cầu xét nghiệm (Mẫu 3, Phụ lục 2) được chuyển đến phòng xét nghiệm của Viện VSDT, Viện Pasteur khu vực, bên giao và bên nhận phải ký xác nhận vào Sổ giao nhận bệnh phẩm và Phiếu điều tra trường hợp bệnh (Mẫu 5, Phụ lục 2).

7.1. Xét nghiệm bệnh phẩm

Sau khi nhận được bệnh phẩm từ các điểm giám sát được phân công phụ trách, phòng xét nghiệm tại các Viện VSDT, Viện Pasteur sẽ tiến hành xét nghiệm các mẫu bệnh phẩm trước thứ Tư hàng tuần để đảm bảo kết quả xét nghiệm được gửi đến các đơn vị liên quan đúng thời gian quy định.

7.2. Phản hồi, báo cáo kết quả xét nghiệm

Sau khi hoàn thành xét nghiệm, phòng xét nghiệm của Viện VSDT, Viện Pasteur sẽ điền kết quả vào Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm trong Mẫu 3, Phụ lục 2 và gửi đến các điểm giám sát trước 16h00 thứ Tư hàng tuần. Trong trường hợp cần xác định lại kết quả thì phòng xét nghiệm của Viện VSDT, Viện Pasteur sẽ thông báo cho các đơn vị nhận kết quả xét nghiệm về các mẫu cần xác định lại, đồng thời kết quả được gửi đến các đơn vị này trước 16h00 thứ Hai của tuần kế tiếp.

Viện VSDT, Viện Pasteur tổng hợp kết quả xét nghiệm vào Bảng tổng hợp kết quả xét nghiệm (Mẫu 4, Phụ lục 2) và gửi về Cục Y tế dự phòng.

8. Quản lý dữ liệu và quy định về báo cáo

- Viện VSDT Trung ương là đầu mối thu thập thông tin về xét nghiệm và các số liệu giám sát.

- Các Viện VSDT, Viện Pasteur có trách nhiệm định kỳ tổng hợp gửi báo cáo (tuần, tháng) về tiến độ thực hiện, số liệu giám sát, kết quả xét nghiệm về Viện VSDT Trung ương hàng tuần.

- Viện VSDT Trung ương sẽ tổng hợp báo cáo Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) hàng tuần.

PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Y tế dự phòng

- Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Y tế trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát trọng điểm lòng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya giai đoạn 2017-2020 trên phạm vi toàn quốc.

- Giải quyết thủ tục cấp phép nhập khẩu bộ mồi, mẫu chứng theo văn bản đề xuất của các Viện VSDT, Viện Pasteur.

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, các địa phương, đơn vị triển khai các hoạt động giám sát trọng điểm theo kế hoạch được phân công.

2. Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

- Chỉ đạo, đôn đốc các bệnh viện (các điểm giám sát) tham gia giám sát trọng điểm.

- Phối hợp kiểm tra giám sát việc thực hiện giám sát trọng điểm tại các điểm giám sát.

3. Vụ Trang thiết bị và Công trình Y tế

- Giải quyết thủ tục cấp phép nhập khẩu sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư tiêu hao y tế phục vụ cho hoạt động xét nghiệm giám sát trọng điểm theo kế hoạch theo văn bản đề xuất của các Viện VSDT, Viện Pasteur.

- Hỗ trợ thủ tục nhập khẩu phục vụ công tác giám sát đối với sinh phẩm y tế, vật tư tiêu hao chưa được cấp phép tại Việt Nam.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế

- Cấp chuyển kinh phí giám sát trọng điểm cho các Viện VSDT, Viện Pasteur và các đơn vị theo kế hoạch được Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

- Tham mưu cho Lãnh đạo Bộ Y tế về tạo nguồn, sử dụng các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Trung tâm Phòng ngừa và Kiểm soát dịch bệnh Hoa Kỳ (USCDC) và các tổ chức trong và ngoài nước cho công tác giám sát trọng điểm phòng chống dịch bệnh.

5. Các Viện VSDT, Viện Pasteur

- Xây dựng kế hoạch, triển khai, tổ chức thực hiện hoạt động giám sát trọng điểm lòng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya giai đoạn 2017-2020.

- Hướng dẫn, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật giám sát, lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, xét nghiệm... cho các đơn vị tham gia giám sát trọng điểm theo khu vực được phân công.

- Tổ chức tiếp nhận, mua sắm sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ cho việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển và xét nghiệm theo quy định. Phân bổ cho các đơn vị theo kế hoạch.

- Tiếp nhận mẫu xét nghiệm, thực hiện xét nghiệm theo quy trình hướng dẫn. Quản lý mẫu, lưu mẫu, chia sẻ và tiêu hủy mẫu bệnh phẩm tuân thủ quy định về chế độ quản lý mẫu bệnh phẩm.

- Thông tin kết quả xét nghiệm cho các điểm giám sát và các Viện VSDT, Viện Pasteur theo quy định.

- Tổng hợp phân tích kết quả xét nghiệm, đưa ra nhận định, dự báo, cảnh báo sớm tình hình dịch bệnh.

- Bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm phù hợp với từng cấp độ.

- Các Viện VSDT, Viện Pasteur có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hỗ trợ hoạt động giám sát trọng điểm tại các điểm giám sát trên địa bàn khu vực phụ trách.

- Viện VSDT Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, thúc đẩy hoạt động và tổng hợp số liệu giám sát trọng điểm tại Viện VSDT, Viện Pasteur và các điểm giám sát trên phạm vi cả nước.

6. Sở Y tế các tỉnh, thành phố

- Tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát trọng điểm trên địa bàn tỉnh, thành phố. Bố trí đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cho thực hiện giám sát trọng điểm tại địa phương. Chỉ đạo các điểm giám sát và các đơn vị liên quan thực hiện giám sát trọng điểm theo đúng nội dung và yêu cầu của kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện giám sát trọng điểm tại các đơn vị có liên quan và tại các điểm giám sát.

7. TTYTDP các tỉnh, thành phố có điểm giám sát trọng điểm

- Đề xuất kế hoạch, tổ chức thực hiện giám sát trọng điểm trên địa bàn.

- Phối hợp với bệnh viện (điểm giám sát) lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu theo quy định về các Viện VSDT, Viện Pasteur khu vực.

- Phối hợp phân bổ kịp thời sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao... cho các điểm giám sát trên địa bàn.

- Đôn đốc, kiểm tra các hoạt động giám sát trọng điểm trên địa bàn.

8. Các điểm giám sát

- Thực hiện giám sát trọng điểm theo kế hoạch.

- Khám, phát hiện đối tượng giám sát, điều tra theo mẫu phiếu, lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu bệnh phẩm theo đúng các yêu cầu và hướng dẫn tại Quyết định số 3091/QĐ-BYT ngày 03/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya, bảo đảm an toàn sinh học và chất lượng mẫu bệnh phẩm.

- Sử dụng thiết bị, nguồn lực sẵn có tại bệnh viện để thực hiện việc bảo quản mẫu bệnh phẩm theo quy định.

- Thực hiện việc tổng hợp kết quả và báo cáo theo quy định.

PHẦN V. KINH PHÍ GIÁM SÁT TRỌNG ĐIỂM

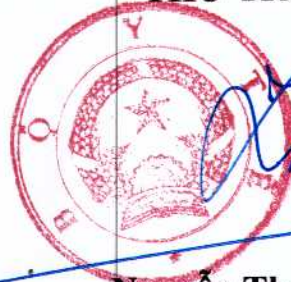
1. Nguyên tắc

- Theo Luật ngân sách, kinh phí cho công tác giám sát trọng điểm được phân bổ cho các Viện VSDT, Viện Pasteur và các đơn vị thực hiện.
- Định mức chi tiêu cho các hoạt động của giám sát trọng điểm theo các quy định hiện hành.

2. Kế hoạch kinh phí: chi tiết tại Phụ lục.

- Nguồn kinh phí thường xuyên của các Viện VSDT, Viện Pasteur.
- Nguồn ngân sách nhà nước không thường xuyên.
- Nguồn kinh phí của Dự án Tăng cường năng lực thực hiện an ninh y tế toàn cầu tại Việt Nam (GHS) do Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh (USCDC) tài trợ, Tổ chức Y tế thế giới (WHO).
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác. *h*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Long

PHỤ LỤC 1

Kế hoạch kinh phí giám sát trọng điểm lồng ghép bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh do vi rút Zika và Chikungunya tại Việt Nam, giai đoạn 2017-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4607/QĐ-BYT ngày 14 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

(Đơn vị: x triệu đồng)

STT	Nội dung	2017				2018				2019				2020			
		CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng
	Tổng	4840		2204	7044	5534		2501	8035	5492		2501	7993	5477		2501	7978
I	NIHE	816			816	1216			1216	1216			1216	1216			1216
1	Hoạt động của Viện NIHE	233			233	333			333	333			333	333			333
	- Sinh phẩm/hóa chất	100			100	200			200	200			200	200			200
	- Vật tư tiêu hao	36			36	36			36	36			36	36			36
	- Phụ cấp xét nghiệm	25			25	25			25	25			25	25			25
	- Chi phí kiểm tra, giám sát.	55			55	55			55	55			55	55			55
	- Chi phí vận phòng phẩm, photo in tài liệu, biểu mẫu.	17			17	17			17	17			17	17			17
2	Hoạt động tại các điểm giám sát	150			150	150			150	150			150	150			150
	Phụ cấp lấy mẫu, đóng gói, bảo quản mẫu...	150			150	150			150	150			150	150			150

STT	Nội dung	2017				2018				2019				2020			
		CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng
3	Chi phí vận chuyển mẫu	50			50	50			50	50			50	50			50
4	Chi phí quản lý, phụ cấp nhập liệu...	383			383	683			683	683			683	683			683
	Viện NIHE	147			147	447			447	447			447	447			447
	TTYTDP tỉnh	100			100	100			100	100			100	100			100
	Bệnh viện	136			136	136			136	136			136	136			136
II	PI. Nha Trang	2659		980	3639	2659		980	3639	2659		980	3639	2659		980	3639
1	Hoạt động của Viện	985		980	1965	985		980	1965	985		980	1965	985		980	1965
	- Sinh phẩm/ hóa chất	570		580	1150	570		580	1150	570		580	1150	570		580	1150
	- Vật tư tiêu hao	150		140	290	150		140	290	150		140	290	150		140	290
	- Phụ cấp xét nghiệm	55		90	145	55		90	145	55		90	145	55		90	145
	- Chi phí kiểm tra, giám sát.	200		150	350	200		150	350	200		150	350	200		150	350
	Phụ cấp lấy mẫu, đóng gói, bảo quản mẫu, sàng lọc ca bệnh, tách huyết thanh, ...	10		20	30	10		20	30	10		20	30	10		20	30
2	Hoạt động tại các điểm giám sát	1200			1200	1200			1200	1200			1200	1200			1200

STT	Nội dung	2017				2018				2019				2020			
		CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng
	Phụ cấp lấy mẫu, đóng gói, bảo quản mẫu...	1200			1200	1200			1200	1200			1200	1200			1200
3	Chi phí vận chuyển mẫu	64			64	64			64	64			64	64			64
4	Chi phí quản lý, phụ cấp nhập liệu...	410			410	410			410	410			410	410			410
	Viện PI. NT	130			130	130			130	130			130	130			130
	TTYTDP tỉnh	20			20	20			20	20			20	20			20
	Bệnh viện	260			260	260			260	260			260	260			260
III	PI. HCM	1242,8		1094,6	2337,4	1242,8		1094,6	2337,4	1220,4		1094,6	2315	1220,4		1094,6	2315
1	Hoạt động của Viện	504,9		869,3	1374,2	504,9		869,3	1374,2	482,5		869,3	1351,8	482,5		869,3	1351,8
	- Sinh phẩm/ hóa chất	CDC cấp				CDC cấp				CDC cấp				CDC cấp			
	- Vật tư tiêu hao	249,6			249,6	249,6			249,6	227,2			227,2	227,2			227,2
	- Phụ cấp xét nghiệm	189,6			189,6	189,6			189,6	189,6			189,6	189,6			189,6
	- Chi phí kiểm tra, giám sát.	65,7		98,5	164,2	65,7		98,5	164,2	65,7		98,5	164,2	65,7		98,5	164,2
	- Sinh phẩm/ hóa chất XN mẫu muối			627,8	627,8			627,8	627,8			627,8	627,8			627,8	627,8
	- Vật tư tiêu hao XN muối			59,2	59,2			59,2	59,2			59,2	59,2			59,2	59,2
	- Phụ cấp xét nghiệm muối			83,8	83,8			83,8	83,8			83,8	83,8			83,8	83,8

STT	Nội dung	2017				2018				2019				2020			
		CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng
2	Hoạt động tại các điểm giám sát	489,8		180	669,8	489,8		180	669,8	489,8		180	669,8	489,8		180	669,8
	Phụ cấp lấy mẫu, đóng gói, bảo quản mẫu...	489,8			489,8	489,8			489,8	489,8			489,8	489,8			489,8
	Giám sát vắc tư			180	180			180	180			180	180			180	180
3	Chi phí vận chuyển mẫu	83,9			83,9	83,9			83,9	83,9			83,9	83,9			83,9
4	Chi phí quản lý, phụ cấp nhập liệu...	99		45,3	144,3	99		45,3	144,3	99		45,3	144,3	99		45,3	144,3
	Quản lý côn trùng, dịch tễ của PI. HCM	99			99	99			99	99			99	99			99
	Nhập liệu, làm sạch, báo cáo			45,3	45,3			45,3	45,3			45,3	45,3			45,3	45,3
5	Tập huấn	65,2			65,2	65,2			65,2	65,2			65,2	65,2			65,2
IV	TIHE	121,8		130	251,8	416,2		426,8	843	396,2		426,8	823	381,2		426,8	808
1	Hoạt động của Viện	51,3		130	181,3	83,2		415,8	499	63,2		415,8	479	48,2		415,8	464
	- Sinh phẩm/ hóa chất			100	100			170,2	170,2			170,2	170,2			170,2	170,2
	- Vật tư tiêu hao			30	30			60	60			60	60			60	60
	- Phụ cấp xét nghiệm							23,6	23,6			23,6	23,6			23,6	23,6
	- Chi phí kiểm tra, giám sát.	48			48	70		162	232	50		162	212	35		162	197

STT	Nội dung	2017				2018				2019				2020			
		CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng	CDC	WHO	BYT	Cộng
	- Chi phí vận phòng phẩm, photo in tài liệu, biểu mẫu.	3,3			3,3	13,2			13,2	13,2			13,2	13,2			13,2
2	Hoạt động tại các điểm giám sát	26,4			26,4	115			115	115			115	115			115
	Phụ cấp lấy mẫu, đóng gói, bảo quản mẫu...	26,4			26,4	115			115	115			115	115			115
3	Chi phí vận chuyển mẫu	8,1			8,1	34		11	45	34		11	45	34		11	45
4	Chi phí quản lý, phụ cấp nhập liệu...	36			36	184			184	184			184	184			184
	Viện TIHE	22			22	130			130	130			130	130			130
	TTYTDP tỉnh	7			7	27			27	27			27	27			27
	Bệnh viện	7			7	27			27	27			27	27			27

(Bảng chữ: năm 2017: Bảy tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu đồng
năm 2018: Tám tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng
năm 2019: Bảy tỷ chín trăm chín mươi ba triệu đồng
năm 2020: Bảy tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu đồng)

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4607/QĐ-BYT ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

MẪU PHIẾU GIÁM SÁT BỆNH NHÂN

Mẫu 1. Mẫu phiếu điều tra trường hợp bệnh

Mẫu 2. Mẫu danh sách trường hợp bệnh

Mẫu 3. Phiếu yêu cầu xét nghiệm và trả lời kết quả xét nghiệm SXHD, bệnh do vi rút Zika, Chikungunya

Mẫu 4. Kết quả xét nghiệm SXHD, bệnh do vi rút Zika, Chikungunya

Mẫu 5. Sổ giao nhận bệnh phẩm, phiếu điều tra trường hợp bệnh

MẪU PHIẾU GIÁM SÁT VÉC TƠ

Mẫu 6. Mẫu phiếu điều tra giám sát muỗi

Mẫu 7. Mẫu khảo sát lăng quăng tại thực địa

Mẫu 8. Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm vi rút Dengue/ Zika/ Chikungunya trên muỗi *Aedes*

Mẫu 9. Mẫu báo cáo kết quả điều tra véc tơ tại ổ dịch

Mẫu 10. Sổ giao nhận bệnh phẩm mẫu muỗi *Aedes*

TỈNH: _____ HUYỆN: _____ Mã số: ____/____/____

A. PHIẾU ĐIỀU TRA TRƯỜNG HỢP BỆNH

Mẫu 1

I. THÔNG TIN CA BỆNH

1. Họ và tên bệnh nhân: 2. Nam, Nữ:
3. Ngày, tháng, năm sinh: [____/____/____] Tuổi:
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Nghề nghiệp:
6. Đang có thai: 1. Có, tuần thứ: _____ 2. Không
7. Siêu âm thai (nếu là phụ nữ mang thai):
☐ Nghi ngờ có đầu nhỏ ☐ Không có đầu nhỏ Ngày siêu âm ____/____/201____
8. Ngày khởi bệnh: 9. Ngày lấy mẫu xét nghiệm:
10. Người lấy mẫu xét nghiệm:
11. Bệnh viện:
12. Chẩn đoán sơ bộ:

II. CÁC TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG (không được bỏ trống)

13. Sốt:⁰C (thân nhiệt tối đa). Kéo dài: (ngày).
14. Phát ban: ☐ Có ☐ Không
15. Đau khớp: ☐ Có ☐ Không
16. Đau cơ: ☐ Có ☐ Không
17. Viêm kết mạc (xung huyết, không mủ): ☐ Có ☐ Không
18. Biểu hiện xuất huyết: ☐ Có ☐ Không
19. Nhức đầu, chán ăn, buồn nôn, nôn: ☐ Có ☐ Không
20. Da xung huyết: ☐ Có ☐ Không
21. Vật vã, li bì: ☐ Có ☐ Không
22. Đau bụng vùng gan hoặc ấn đau vùng gan: ☐ Có ☐ Không
23. Các triệu chứng khác:

Ngày tháng năm 201....

Y, Bác sĩ điều trị

(Ký tên)

Yêu cầu xét nghiệm:

- ☐ Realtime RT-PCR: (mẫu máu lấy từ ngày khởi phát triệu chứng thứ 1 đến 5)
☐ Khác (ghi rõ):

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM:

Cơ quan chủ quản
 Đơn vị báo cáo

DANH SÁCH GỬI MẪU BỆNH PHẨM NGHI NHIỄM VI RÚT DENGUE/ ZIKA/ CHIKUNGUNYA

Tuần lễ thứ:..... (từ thứ Hai ngày/...../..... đến thứ Sáu ngày/...../.....)

STT	Mã số BN	Họ và tên	Tuổi		Địa chỉ nơi ở (số nhà, tên đường, tổ, ấp, xã, huyện, tỉnh)	Nội trú /ngoại trú	Họ tên Cha/mẹ/ người thân	Điện thoại liên lạc	Ngày khởi bệnh	Ngày vào viện	Chẩn đoán LS	Giờ, ngày lấy mẫu	Loại bệnh phẩm	Kết quả NS1 (nếu có)	Yêu cầu XN		Ghi chú
			Nam	Nữ											rRT-PCR		
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
9																	
10																	

Ngày ... tháng ... năm 201 ...
 Lãnh đạo đơn vị

Người làm báo cáo

PHIẾU YÊU CẦU XÉT NGHIỆM VÀ TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM SXHD, BỆNH DO VI RÚT ZIKA, CHIKUNGUNYA

Mã số bệnh nhân: ____/____/____/____
 Họ và tên:
 Ngày, tháng, năm sinh: ____/____/____ Tuổi (năm): ____
 Giới: ☐ Nam ☐ Nữ
 Điện thoại liên lạc:
 Địa chỉ: Số nhà/số phòng: Xã/phường:
 Quận/huyện: Tỉnh, thành phố:
 Ngày nhập viện: ____/____/20____ (ngày/tháng/năm)
 Ngày khởi phát: ____/____/20____ (ngày/tháng/năm)
 Ngày lấy mẫu: ____/____/20____ (ngày/tháng/năm)
 Thời gian lấy mẫu: ____ giờ ____ phút
 Loại bệnh phẩm:

☐ Huyết thanh ☐ Khác (ghi rõ)

Nơi lấy mẫu:

Bác sỹ yêu cầu xét nghiệm (ký, họ tên)

Người lấy mẫu (ký, họ tên)

Số điện thoại của bác sỹ yêu cầu xét nghiệm:

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Viện VSDT/Pasteur:

Mã số bệnh nhân: ____/____/____/____

Ngày nhận bệnh phẩm: ____/____/20____ (ngày/tháng/năm)

Tình trạng bệnh phẩm: ☐ Tốt ☐ Không tốt ☐ Từ chối xét nghiệm (lý do:.....)

Ngày xét nghiệm: ____/____/20____ (ngày/tháng/năm)

Kỹ thuật xét nghiệm:

Kết quả: ☐ Zika ☐ Dengue ☐ Chikungunya

☐ Vi rút Arbo khác (ghi rõ

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ xét nghiệm

Trưởng phòng xét nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên Viện VSDT/Pasteur:
Tên khoa/phòng:

Ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:.....

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM BỆNH NHÂN SXHD/ ZIKA/ CHIKUNGUNYA

Từ ngày Đến

STT	Mã số bệnh nhân	Họ và tên	Tuổi	Giới	Địa chỉ nơi ở (số nhà, tên đường, tổ, ấp, xã, huyện, tỉnh)	Nơi gửi mẫu	Ngày khởi bệnh	Ngày, giờ lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Ngày xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm	Ghi chú
1												
2												
3												
4												
5												

Người thực hiện xét nghiệm
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách phòng xét nghiệm
(ký, ghi rõ họ tên)

Tên đơn vị

SỐ GIAO NHẬN

Bệnh phẩm, Phiếu điều tra trường hợp bệnh

NĂM.....

Số thứ tự tuần	Thời gian thực hiện	Ngày giao - nhận	Số lượng bệnh phẩm	Số phiếu điều tra (Mẫu 1)	Chữ ký và tên người giao	Chữ ký và tên người nhận	Ghi chú
	Từ..... Đến.....						
	Từ..... Đến.....						
	Từ..... Đến.....						
	Từ..... Đến.....						
	Từ..... Đến.....						
	Từ..... Đến.....						
	Từ..... Đến.....						

Cơ quan chủ quản.....
Đơn vị báo cáo

PHIẾU ĐIỀU TRA GIÁM SÁT MUỖI

Áp/Khu phố : _____ Phường/xã : _____ Quận/huyện _____

Ngày điều tra : ____ / ____ / ____ Người điều tra : _____

STT	Địa điểm giám sát	Tổng số Muỗi bắt được	Aedes aegypti		Aedes albopictus		Culex fatigans		Loại muỗi khác		Nhà có muỗi Aedes	Ghi chú
			Cái	Đực	Cái	Đực	Cái	Đực	Cái	Đực		
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												

Người làm báo cáo

Ngày ... tháng ... năm 201 ...
Lãnh đạo đơn vị

Cơ quan chủ quản.....

Đơn vị báo cáo

PHIẾU KHẢO SÁT LĂNG QUẪNG TẠI Ồ DỊCH

- Địa điểm khảo sát : Tổ.....Ấp.....Xã/Phường.....Huyện/Thị xã.....
- Ngày khảo sát :.....Người khảo sát :.....

[illegible]

Ngày ... tháng ... năm 201 ...

Người làm báo cáo

VIỆN.....
Khoa.....
PXN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VIRÚT
DENGUE/ZIKA/CHIKUNGUNYA TRÊN MUỖI *Aedes***

Kính gửi:.....

Kỹ thuật xét nghiệm:.....

Đơn vị gửi mẫu:.....

STT	Mã số mẫu	Địa điểm thu mẫu	Số lượng muỗi	Ngày PXN nhận mẫu	Ngày làm XN	Kết quả xét nghiệm		
						Denv	Zika	Chikv
1								
2								

....., ngày....tháng...năm...

Người thực hiện xét nghiệm

Trưởng khoa

Đơn vị chủ quản:

Tỉnh/thành phố:

Quận/huyện:

Mẫu 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VÉC TƠ TẠI Ổ DỊCH

Thángnăm.....

STT	Địa phương	Điểm giám sát	Số hộ điều tra	Aedes aegypti					Aedes albopictus				
				Chỉ số Breteau	Chỉ số nhà có bộ gây	Tỷ lệ % DCCN có bộ gây	Chỉ số mật độ muỗi	Chỉ số nhà có muỗi	Chỉ số Breteau	Chỉ số nhà có bộ gây	Tỷ lệ % DCCN có bộ gây	Chỉ số mật độ muỗi	Chỉ số nhà có muỗi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
3													
4													
5													

Ngày tháng năm

Người làm báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo đơn vị

(Ký và đóng dấu)

Tên đơn vị

SỐ GIAO NHẬN
Bệnh phẩm mẫu muỗi *Aedes*

NĂM.....

Tên đơn vị.....

Mẫu 10

SỔ GIAO NHẬN MẪU MUỖI *AEDES*

STT	Ngày gửi	Nơi gửi	Mã hóa của mẫu	Người gửi (cán bộ Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh/ Trung tâm Y tế huyện)		Người giao (nhân viên bưu điện/ vận chuyển hàng)		Người nhận (cán bộ Khoa Côn trùng của Viện)	
				Họ và tên – Ký nhận	Số điện thoại	Họ và tên – Ký nhận	Số điện thoại	Họ và tên – Ký nhận	Số điện thoại
1									
2									
3									